

Hung Yên, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM
PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ VỚI VĂN BẢN QUY
PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

NGHỊ QUYẾT SỐ 551/2025/NQ-HĐND NGÀY 18/02/2025 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HỌC PHÍ TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HUNG YÊN	DỰ THẢO: NGHỊ QUYẾT SỐ .../2025/NQ-HĐND NGÀY .../.../... CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HUNG YÊN GIAI ĐOẠN 2026-2030	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ học phí trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. 2. Đối tượng áp dụng a) Người học trong độ tuổi lao động có nơi thường trú tại tỉnh Hưng Yên, có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, tham gia học trình độ cao đẳng hoặc trình độ trung cấp hoặc liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng, nhập học kể từ khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết năm 2027	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ học phí trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. 2. Đối tượng áp dụng a) Người học trong độ tuổi lao động có nơi thường trú tại tỉnh Hưng Yên, có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, tham gia học trình độ cao đẳng hoặc trình độ trung cấp hoặc liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nhập học kể từ khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết năm 2027	Kế thừa phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị quyết số 551/2025/NQ- HĐND.

tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo Luật Giáo dục nghề nghiệp. b) Các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước để tổ chức đào tạo nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo Luật Giáo dục nghề nghiệp.	tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13; Luật Giáo dục số 43/2019/QH14. b) Các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước để tổ chức đào tạo nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo Luật số 74/2014/QH13; Luật số 43/2019/QH14.	
Điều 2. Chính sách hỗ trợ 1. Xác định mức hỗ trợ Xác định mức hỗ trợ căn cứ vào mức thu học phí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, không vượt quá mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số	Điều 2. Chính sách hỗ trợ 1. Mức hỗ trợ Mức hỗ trợ theo mức học phí thực tế của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, không vượt quá mức trần học phí quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, cụ thể như sau: a) Trường hợp cơ sở giáo dục nghề nghiệp có mức thu học phí thấp hơn mức trần học phí thì căn cứ mức thu học phí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp để xác định mức hỗ trợ. b) Trường hợp cơ sở giáo dục nghề nghiệp có mức thu học phí cao hơn mức trần học phí	Kế thừa chính sách hỗ trợ của Nghị quyết số 551/2025/NQ-HĐND và sửa đổi nội dung, căn cứ đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP (thay thế Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP).

81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và các quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể như sau: a) Trường hợp cơ sở giáo dục nghề nghiệp có mức thu học phí thấp hơn mức trần học phí thì căn cứ mức thu học phí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp để xác định mức hỗ trợ. b) Trường hợp cơ sở giáo dục nghề nghiệp có mức thu học phí cao hơn mức trần học phí thì căn cứ mức trần học phí để xác định mức hỗ trợ. 2. Chính sách hỗ trợ đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết a) Người học quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP được hỗ trợ 30% học phí (ngoài mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP). b) Người học quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP được hỗ trợ 50% học phí (ngoài mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP). c) Người học không thuộc diện	thì căn cứ mức trần học phí để xác định mức hỗ trợ. 2. Chính sách hỗ trợ đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết a) Người học quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP được hỗ trợ 30% học phí (ngoài mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP). b) Người học quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP được hỗ trợ 50% học phí (ngoài mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP). c) Người học không thuộc diện được hưởng các chính sách miễn, giảm học phí của Nhà nước được hỗ trợ 100% học phí.	
---	---	--

được hưởng các chính sách miễn, giảm học phí của Nhà nước được hỗ trợ 100% học phí.		
Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ 1. Việc hỗ trợ học phí sẽ được thực hiện trong suốt thời gian người học học tập tại nhà trường, trừ trường hợp có những thay đổi về lý do hỗ trợ học phí. Đối với người học nhập học trong thời điểm Nghị quyết này còn hiệu lực thì được hưởng chính sách đến khi kết thúc khóa học. 2. Thời gian hỗ trợ là thời gian thực học của chương trình đào tạo toàn khoá (theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ), nhưng không quá 30 tháng đối với trình độ cao đẳng và không quá 20 tháng đối với trình độ trung cấp. Kinh phí hỗ trợ được cấp theo thời gian học thực tế nhưng không quá 10 tháng/năm học. 3. Trường hợp người học được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị quyết này đồng thời thuộc diện được hưởng các chính sách hỗ trợ học phí khác thì người học được lựa chọn hưởng một chính sách hỗ trợ. 4. Người học chỉ được hỗ trợ một lần theo Nghị quyết này. 5. Không áp dụng hỗ trợ học phí đối với người học đang hưởng lương khi đi học.	Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ 1. Việc hỗ trợ học phí được thực hiện trong thời gian người học học tập tại nhà trường, trừ trường hợp có những thay đổi về lý do hỗ trợ học phí. Đối với người học nhập học trong thời điểm Nghị quyết này còn hiệu lực thì được hưởng chính sách đến khi kết thúc khóa học. 2. Thời gian hỗ trợ là thời gian thực học của chương trình đào tạo toàn khoá (theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ), nhưng không quá 30 tháng đối với trình độ cao đẳng và không quá 20 tháng đối với trình độ trung cấp. Kinh phí hỗ trợ được cấp theo thời gian học thực tế nhưng không quá 10 tháng/năm học. 3. Trường hợp người học được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị quyết này đồng thời thuộc diện được hưởng các chính sách hỗ trợ học phí khác thì người học được lựa chọn hưởng một chính sách hỗ trợ. 4. Người học chỉ được hỗ trợ một lần theo Nghị quyết này. 5. Không áp dụng hỗ trợ học phí đối với người học đang hưởng lương hoặc sinh hoạt	Kế thừa chính sách hỗ trợ của Nghị quyết số 551/2025/NQ-HĐND và bổ sung một số nội dung đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP. Bổ sung nội dung: “Không áp dụng hỗ trợ học phí đối với người học đang hưởng sinh hoạt phí khi đi học”; “Trường hợp người học phải dừng học; học lại, bảo lưu (không quá một lần) do ốm đau, tai nạn hoặc dừng học vì lý do bất khả kháng không do kỷ luật hoặc tự thôi học thì thủ trưởng cơ sở giáo dục nghề nghiệp xem xét cho tiếp tục học tập theo quy định và tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại

6. Không áp dụng hỗ trợ học phí trong thời gian người học bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung. Trường hợp người học phải dừng học; học lại, lưu ban (không quá một lần) do ốm đau, tai nạn hoặc dừng học vì lý do bất khả kháng không do kỷ luật hoặc tự thôi học thì thủ trưởng cơ sở giáo dục nghề nghiệp xem xét cho tiếp tục học tập theo quy định và tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.	phí khi đi học. 6. Không áp dụng hỗ trợ học phí trong thời gian người học bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, bảo lưu, học lại, học bổ sung. Trường hợp người học phải dừng học, học lại, bảo lưu (không quá một lần) do ốm đau, tai nạn hoặc dừng học vì lý do bất khả kháng không do kỷ luật hoặc tự thôi học thì thủ trưởng cơ sở giáo dục nghề nghiệp xem xét cho tiếp tục học tập theo quy định và tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.	Nghị quyết này”.
	Điều 4. Phương thức hỗ trợ 1. Trường hợp người học đang theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, cơ quan chủ quản của cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp bù kinh phí hỗ trợ học phí cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp hàng năm theo hình thức giao dự toán. 2. Trường hợp người học đang theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập không trực thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường nơi người học đăng ký thường trú cấp trực tiếp kinh phí hỗ trợ học phí cho cha hoặc mẹ (hoặc người giám hộ) của người học hoặc người học hai lần trong	Bổ sung so với Nghị quyết số 551/2025/NQ-HĐND để đảm bảo tính chi tiết của chính sách, đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

	năm vào đầu các học kỳ của năm học.	
Điều 4. Kinh phí thực hiện Kinh phí thực hiện hỗ trợ học phí được cân đối từ nguồn ngân sách tỉnh theo phân cấp ngân sách hiện hành.	Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện Ngân sách nhà nước cấp tỉnh chi trả kinh phí hỗ trợ học phí đối với các đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.	Kế thừa quy định về nguồn kinh phí thực hiện chính sách của Nghị quyết số 551/2025/NQ-HĐND và sửa đổi nội dung phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Hưng Yên mới.
	Điều 6. Hiệu lực thi hành Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm ... và thay thế Nghị quyết số 551/2025/NQ-HĐND ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chính sách hỗ trợ học phí trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.	Hiệu lực thi hành được cụ thể hóa thành 01 điều của Nghị quyết.
	Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp Trường hợp người học đã được hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 551/2025/NQ-HĐND thì tiếp tục được hưởng chính sách đó đến khi kết thúc khóa học.	Điều khoản chuyển tiếp được xây dựng thành 01 điều của Nghị quyết.

Điều 5. Tổ chức thực hiện 1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.	Điều 8. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết.	Kế thừa nội dung tổ chức thực hiện của Nghị quyết số 551/2025/NQ-HĐND.
---	---	---